TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Kim

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Quang – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 237/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 103/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Công T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 218/5 L, Phường L, B (nay là Phường 3 B), Lâm Đồng.

- *Bị đơn:*

- Ông **Vũ Đại D**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: 127/18 P, tổ 8A, Phường L, B (nay là Phường 3 B), Lâm Đồng.

- Bà **Vũ Thị Thanh N**, sinh năm 2000. Địa chỉ thường trú: 216 Lê Phụng Hiểu, tổ 6B, Phường L, thành phố B (nay là Phường 3 B), Lâm Đồng.

Cùng địa chỉ tạm trú: 60 N, Phường 6 (nay là Phường Cam Ly- Đà Lạt), Lâm Đồng.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Vũ Công T trình bày: Ông Vũ Đại D và bà Vũ Thị Thanh N có quan hệ họ hàng, do ông D, bà N cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 29/9/2022 ông Dg, bà N có hỏi vay của ông số tiền 400.000.000đ thời hạn vay là 03 ngày từ ngày 29/9/2022 đến ngày 02/10/2022 nên ông đã đồng ý cho ông D, bà N vay bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 29/9/2022 ông T đã chuyển khoản cho ông D, bà N vay tiền bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông đến số tài khoản của bà Vũ Thị Thanh N số tiền là 336.000.000đ cùng Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc. Còn số tiền 64.000.000đ, ông T gọi điện thoại cho Vũ Thị Thanh N xuống nhà ông T để bà N, ông D nhận tiền mặt cũng vào ngày 29/9/2022, nhưng do là chú cháu với nhau nên ông T không yêu cầu bà N ông D viết giấy tay nhận tiền. Sau đó khoảng ngày 29/9/2022 hoặc ngày 30/9/2022 thì ông bị bệnh phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy nên không đòi được, khoảng 01 tháng sau ông quay về thì vợ chồng ông D, bà N đã bỏ trốn khỏi địa phương. Từ đó đến nay ông D, bà N chưa trả tiền cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu ông D, bà N phải trả cho ông số tiền 400.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 30/9/2022 tạm tính đến ngày 15/8/2025 là 35 tháng với số tiền lãi là 140.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 540.000.000đ.

Bị đơn không có lời trình bày.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông T xin rút yêu cầu khởi kiện ông Dương, bà N phải thanh toán cho ông T số tiền 64.000.000đ gốc và lãi.

Nguyên đơn ông T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nam phải thanh toán số tiền gốc 336.000.000đ và yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 18/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2025, nguyên đơn không yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền gốc 336.000.000đ và tiền lãi như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải

quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với bị đơn ông D, bà N về việc yêu cầu ông Dg, bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 64.000.000đ và tiền lãi. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà N phải thanh toán cho ông T số tiền gốc là 336.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 18/7/2025 đến ngày 30/9/2025 với mức lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quy định tại theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm khởi kiện tháng 7/2024, nguyên đơn ông Vũ Công T cho rằng bị đơn ông Vũ Đại D, bà Vũ Thị Thanh N đăng ký thường trú tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nhưng đang tạm trú tại địa chỉ 17/5 M, Phường N, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên đã khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt. Theo các văn bản xác minh của Toà án đối với nơi cư trú của bị đơn thì tại thời điểm Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt thụ lý, giải quyết vụ án thì ông D, bà N có cư trú tại Đà Lạt nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng).

Trong quá trình Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn thì bị đơn có cư trú tại địa chỉ 17/5 M, Phường N, Đà Lạt (nay là Phường Cam Ly- Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng và tại 60 Nguyễn A, Phường N, Đà Lạt (nay là Phường Cam Ly- Đà Lạt), Lâm Đồng nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ theo quy định tại Điều 40, khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 trường hợp này được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, đồng thời xác định bị đơn có địa chỉ tại

60 Nguyễn An Ninh, Phường Cam Ly- Đà Lạt, Lâm Đồng để làm căn cứ cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng.

Bị đơn đã được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng đều vắng mặt căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1]. Đối với yêu cầu bị đơn ông D, bà Ntrả số tiền 64.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh. Tại phiên toà, nguyên đơn ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông D, bà N về việc yêu cầu ông D, bà N phải trả số tiền 64.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu bị đơn ông D, bà N trả số tiền 336.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh. Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Ông T không yêu cầu ông D phải trả số tiền 336.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh; Ông T yêu cầu bà N trả cho ông T số tiền 336.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh.

Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền gốc của ông T thì thấy rằng, theo ông T trình bày vào ngày 29/9/2022 ông T đã cho bà N vay số tiền 336.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông T đến số tài khoản của bà Vũ Thị Thanh N tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc. Theo kết quả xác minh của Toà án tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Bảo Lộc cũng thể hiện ngày 29/9/2022 ông T có chuyển cho bà N số tiền 336.000.000đ từ tài khoản của ông T sang tài khoản của bà N như lời trình bày của ông T. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà N phải trả cho ông Tĩnh số tiền gốc là 336.000.000đ.

Xét yêu cầu tính lãi của ông T thì thấy rằng tại phiên toà ông T yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 18/7/2024 đến ngày 30/9/2025 thì thấy rằng, giữa bà N và ông T không có thoả thuận thời hạn trả tiền và lãi suất. Do đó, ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 18/7/2024 (này Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt nhận được đơn khởi kiện) đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc bà N phải thanh toán cho ông T số tiền lãi tính từ ngày

18/7/2024 đến ngày 30/9/2025 là 40.320.000đ (=01 năm 02 tháng 12 ngày x 10%/năm x 336.000.000đ).

Từ những phân tích trên, buộc bà N phải thanh toán cho ông T số tiền 376.320.000đ trong đó tiền gốc là 336.000.000đ, tiền lãi là 40.320.000đ.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu số tiền 18.816.000đ án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.760.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161; 162; 217, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466; 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công T đối với bị đơn bà Vũ Thị Thanh N, ông Vũ Đại D về việc yêu cầu bà Vũ Thị Thanh N, ông Vũ Đại D phải thanh toán số tiền 64.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công T đối với bị đơn bà Vũ Thị Thanh N.

Xử:

2.1 Buộc bà Vũ Thị Thanh N phải trả cho ông Vũ Công Tĩnh số tiền 376.320.000đ *(ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng)* trong đó tiền nợ gốc là 336.000.000đ, tiền lãi là 40.320.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

2.2 Về án phí: Bà Vũ Thị Thanh N phải chịu số tiền 18.816.000đ *(Mười tám triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Công T số tiền 11.760.000đ (*Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0001193 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 tỉnh Lâm Đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1- Lâm Đồng;
- Thi hành án DS Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi